

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương có kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi động vật thí nghiệm để phục vụ các hoạt động chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ chăn nuôi động vật thí nghiệm.

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương kính mời các đơn vị có năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá nguyên vật liệu theo các nội dung sau:

### 1. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục, số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu của các hàng hóa của hoạt động được nêu chi tiết tại bản Phụ lục 01 đính kèm.

- Địa điểm bàn giao hàng hoá: Tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương – Trung tâm Nghiên cứu và sản xuất động vật thí nghiệm.

### 2. Mục đích báo giá: cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp.

### 3. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Kế hoạch – hợp tác Quốc tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Số điện thoại: 024.39716353, email: [dauthaul@nihe.org.vn](mailto:dauthaul@nihe.org.vn)

- Bộ phận văn thư- Phòng Hành chính Vật tư của Viện.

### 4. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Hồ sơ xin gửi qua đường văn thư về Viện theo thông tin sau: Phòng Kế hoạch – hợp tác Quốc tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, số 1 Yecxanh, Hai Bà Trưng, Hà Nội, SDT: 024.39716353.

- Hồ sơ báo giá bản điện tử xin gửi về địa chỉ email: [dauthaul@nihe.org.vn](mailto:dauthaul@nihe.org.vn) (Đơn vị báo giá cung cấp file scan báo giá kèm theo file word hoặc excel bản chào giá hàng hóa).

**5. Thời hạn tiếp nhận báo giá:** Từ ngày phát hành đến trước 17h00 ngày 03 tháng 06 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

### 6. Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Thư chào giá đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí giao hàng tại Viện theo mẫu tại bản Phụ lục 02 đính kèm. .

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

### 7. Yêu cầu đơn vị gửi báo giá:

- Báo giá đúng mục lục, ghi rõ các phần báo giá như trong hướng dẫn.

- Không trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền.

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền.
  - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
  - Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
  - Cam kết giá trị của hàng hóa là phù hợp, không vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
  - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
- Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên:
- Website nihe.org.vn:
- Lưu HCVT, KHQT.

**KT. VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



*Cao Ngọc Ánh*



**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CHI TIẾT HÀNG HÓA**

theo Công văn số 974/VSDTTU-KHQT ngày 26/5/2026  
của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bột cá	<p><b>1. Chỉ tiêu cảm quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trạng thái: Tơi, không bị vón cục, không có nấm mốc và không có côn trùng/sâu mọt/vật thể lạ.</li><li>- Màu sắc: Nâu nhạt.</li><li>- Mùi: Có mùi tanh đặc trưng của cá, không có mùi hôi, khét hoặc mùi lạ.</li><li>- Độ mịn: Bột cá phải lọt qua lỗ sàng 3.0 mm, phần còn lại trên sàng không vượt quá 5 %</li></ul> <p><b>2. Chỉ tiêu chất lượng</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Độ đạm (Protein) 60%</li><li>- Độ ẩm tối đa 10%</li><li>- Chất béo (Lipid) tối đa 8%</li><li>- Hàm lượng muối (NaCl) tối đa 2%</li><li>- Độ cát/Khoáng không tan: Không lớn hơn 2%</li><li>- Hàm lượng nitơ bay hơi tổng số, tính theo mg/100 g, không lớn hơn 150</li><li>- Không có vật sắc nhọn</li></ul> <p><b>3. Chỉ tiêu vệ sinh &amp; an toàn</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Không có Salmonella, E.coli.</li><li>- Không có các độc tố nấm mốc và các chất độc hại.</li><li>- Dư lượng chất bảo quản và các chất nhiễm bẩn khác không được vượt quá mức tối đa cho phép theo qui định hiện hành.</li></ul> <p><b>4. Quy định về đóng gói, nhãn mác, bảo quản</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Yêu cầu đóng gói: 50 kg/bao, bột cá phải được đóng gói trong các bao kín, nhiều lớp, lớp trong cùng phải là polyetylen</li><li>- Nhãn mác: Mỗi lô hàng phải có nhãn ghi rõ: Tên sản phẩm, hạng chất lượng, hàm lượng đạm, độ ẩm, ngày sản xuất, hạn sử dụng và thông tin nhà sản xuất.</li></ul> <p><b>5. Giao hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tiến độ giao 2 lần, mỗi lần giao không quá 1.000 kg.</li></ul> <p>Hàng hoá khi giao có phiếu kết quả thử nghiệm COA kiểm định chi tiêu theo quy định của nhà sản xuất.</p>	Việt Nam	Kg	1600

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
2	Bột gạo	<p><b>1. Chỉ tiêu cảm quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Trắng tự nhiên hoặc trắng ngà, hoàn toàn không có đốm đen hoặc màu sắc lạ.</li> <li>- Mùi/Vị: Thơm đặc trưng của gạo nguyên chất. Tuyệt đối không có mùi hôi, mùi mốc, chua hoặc mùi lạ.</li> <li>- Trạng thái: Bột phải tơi xốp, không bị vón cục.</li> </ul> <p><b>2. Chỉ tiêu lý hóa cơ bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần gạo: 100%</li> <li>- Độ ẩm: Không vượt quá 14% để tránh vi khuẩn và nấm mốc phát triển trong quá trình bao quản.</li> <li>- Độ mịn: lọt mắt sàng 1 li (tối thiểu 95%)</li> </ul> <p><b>3. Chỉ tiêu an toàn vệ sinh</b></p> <p>Theo các quy định về an toàn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ tổ vi nấm: Không có nấm, mốc</li> <li>- Kim loại nặng: Hàm lượng Cadmium, Chi và Asen phải nằm trong giới hạn cho phép đối với động vật gặm nhấm.</li> <li>- Tạp chất và vi sinh vật: Không được chứa độc tố, thuốc trừ sâu, côn trùng sống, lông/phân chuột, hoặc các chất gây hại khác</li> </ul> <p><b>4. Quy định về đóng gói, nhãn mác, bảo quản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đóng gói: theo yêu cầu</li> <li>- Nhãn mác: Mỗi lô hàng phải có nhãn ghi rõ: Tên sản phẩm và trọng lượng đóng gói.</li> </ul> <p><b>5. Giao hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến độ giao hàng tuần, mỗi tuần giao không quá 100 kg/tuần.</li> <li>- Hàng hoá khi giao có phiếu kết quả thử nghiệm COA kiểm định chi tiêu theo quy định của nhà sản xuất</li> </ul>	Việt Nam	Kg	530
3	Bột mỳ	<p><b>1. Chỉ tiêu cảm quan</b></p> <p>Trạng thái: Tơi mịn, không vón cục, không có nấm mốc và không có côn trùng/sâu mọt/vật thể lạ.</p> <p>Màu sắc: Trắng đến trắng ngà.</p> <p>Mùi: Có mùi thơm đặc trưng của bột mỳ, không có mùi hôi, chua hoặc mùi lạ.</p> <p><b>2. Chỉ tiêu dinh dưỡng</b></p> <p>Độ đạm (Protein): Tối thiểu từ 11,5–12%</p> <p>Độ ẩm tối đa 14%</p>	Việt Nam	Kg	1150

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
4	Bột ngô	<p><b>3. Chỉ tiêu an toàn vệ sinh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độc tố vi nấm: Không có nấm, mốc, không vón cục, không biến màu</li> <li>- Tạp chất và vi sinh vật: Bột phải được làm từ hạt lúa mì nghiên sạch. Không được chứa tạp chất có nguồn gốc động vật, kim loại nặng hoặc chất độc hại vượt mức cho phép</li> <li>- Tuyệt đối không có côn trùng sống hoặc xác còn trùng trong thành phẩm</li> <li>- Độ chua: Không vượt quá giới hạn cho phép</li> </ul> <p><b>4. Quy định về đóng gói, nhãn mác, bảo quản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đóng gói: 25 kg/bao, ấn phẩm được đóng gói trong các bao bì sạch, bền và được khâu chắc chắn hoặc kín</li> <li>- Nhãn mác: Mỗi lô hàng phải có nhãn ghi rõ: Tên sản phẩm và trọng lượng đóng gói, chỉ tiêu của sản phẩm</li> </ul> <p><b>5. Giao hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến độ giao hàng tuần, mỗi tuần giao không quá 500 kg/tuần.</li> <li>- Hàng hoá khi giao có phiếu kết quả thử nghiệm COA kiểm định chi tiêu theo quy định của nhà sản xuất</li> </ul>	Việt Nam	Kg	2508
		<p><b>1. Chỉ tiêu cảm quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạng thái: Dám bao sạch sẽ, không tạp chất, toí mịn, không vón cục, không có nấm mốc, lợt mắt sáng 1 li.</li> <li>- Màu sắc: Vàng nhạt đến vàng đặc trung</li> <li>- Mùi: Có mùi thơm đặc trưng, không có mùi hôi, chua hoặc mùi lạ.</li> </ul> <p><b>2. Chỉ tiêu dinh dưỡng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ đạm (Protein) tối thiểu 7%</li> <li>- Độ ẩm tối đa 14%</li> <li>- Độ mịn: lợt mắt sáng 1 li (tối thiểu 95%)</li> </ul> <p><b>3. Chỉ tiêu an toàn vệ sinh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạp chất: Đối với ngô hạt hoặc ngô mảnh, tạp chất (đất, cát, hạt cỏ dại, mây ngô) không được vượt quá 4%.</li> <li>- Độc tố nấm mốc: Tuyệt đối không có nấm mốc biểu hiện bằng mắt thường. Hoàn toàn không chứa các độc tố</li> <li>- Kim loại nặng &amp; Vi sinh vật: Phải đạt giới hạn an toàn không gây độc hại hay rối loạn tiêu hóa cho vật nuôi</li> </ul>			

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
		<p><b>4. Quy định về đóng gói, nhãn mác, bao quản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đóng gói: theo yêu cầu, sản phẩm được đóng gói trong các bao bì sạch, bền và được khâu chắc chắn hoặc kín</li> <li>- Nhãn mác: Mỗi lô hàng phải có nhãn ghi rõ: Tên sản phẩm và trọng lượng đóng gói, chỉ tiêu của nhà sản xuất</li> </ul> <p><b>5. Giao hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến độ giao hàng tuần, mỗi tuần giao không quá 500 kg/tuần.</li> <li>- Hàng hoá khi giao có phiếu kết quả thử nghiệm COA kiểm định chi tiêu theo quy định của nhà sản xuất</li> </ul>			
5	Bột thóc	<p><b>1. Chỉ tiêu cảm quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạng thái: Dăm bao sạch sẽ, không tạp chất, tơi mịn, không vón cục, không có nấm mốc.</li> <li>- Màu sắc: Vàng nhạt đến nâu nhạt đặc trưng.</li> </ul> <p><b>2. Chỉ tiêu hóa học, dinh dưỡng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ đạm (Protein) tối thiểu 7%</li> <li>- Độ ẩm tối đa 14%</li> <li>- Độ mịn: lọt mắt sàng 1 li (tối thiểu 95%)</li> </ul> <p><b>3. Chỉ tiêu an toàn vệ sinh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độc tố vi nấm:</b> Không có nấm, mốc</li> <li>- <b>Kim loại nặng:</b> Hàm lượng Cadmium, Chì và Asen phải nằm trong giới hạn cho phép đối với động vật gặm nhấm.</li> <li>- <b>Tạp chất và vi sinh vật:</b> Không được chứa độc tố, thuốc trừ sâu, côn trùng sống, lông/phân chuột, hoặc các chất gây hại khác</li> </ul> <p><b>4. Quy định về đóng gói, nhãn mác, bao quản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đóng gói: theo yêu cầu</li> <li>- Nhãn mác: Mỗi lô hàng phải có nhãn ghi rõ: Tên sản phẩm và trọng lượng đóng gói.</li> </ul> <p><b>5. Giao hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến độ giao hàng tuần, mỗi tuần giao không quá 300 kg/tuần.</li> <li>- Hàng hoá khi giao có phiếu kết quả thử nghiệm COA kiểm định chi tiêu theo quy định của nhà sản xuất</li> </ul>	Việt Nam	Kg	1596

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
6	Cám gạo	<p><b>1. Chỉ tiêu cảm quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Có màu sáng tự nhiên của cám gạo (không bị xin màu hay pha lẫn tạp chất).</li> <li>- Mùi: Có mùi thơm đặc trưng của cám gạo, không có mùi lạ, mùi hôi thiu hay mùi ẩm mốc.</li> <li>- Trạng thái: Dạng bột mịn, tơi xốp, không bị vón cục hoặc xuất hiện các sợi nấm mốc</li> </ul> <p><b>2. Chỉ tiêu dinh dưỡng, lý hoá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ đạm (Protein) tối thiểu 1%</li> <li>- Độ ẩm không quá 14%</li> <li>- Chất béo thô <math>\geq 10\%</math></li> </ul> <p><b>3. Chỉ tiêu an toàn vệ sinh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ độc tố vi nấm: Không có nấm, mốc</li> <li>- Kim loại nặng: Hàm lượng Cadmium, Chi và Asen phải nằm trong giới hạn cho phép đối với động vật gặm nhấm.</li> <li>- Tạp chất và vi sinh vật: Không được chứa độc tố, thuốc trừ sâu, côn trùng sống, lông/phân chuột, hoặc các chất gây hại khác</li> </ul> <p><b>4. Quy định về đóng gói, nhãn mác, bảo quản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đóng gói: theo yêu cầu</li> <li>- Nhãn mác: Mỗi lô hàng phải có nhãn ghi rõ: Tên sản phẩm và trọng lượng đóng gói.</li> </ul> <p><b>5. Giao hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến độ giao hàng tuần, mỗi tuần giao không quá 250 kg/tuần.</li> <li>- Hàng hoá khi giao có phiếu kết quả thử nghiệm COA kiểm định chi tiêu theo quy định của nhà sản xuất</li> </ul>	Việt Nam	Kg	1.254
7	Khô đỗ	<p><b>1. Chỉ tiêu cảm quan</b></p> <p>Trạng thái: Đảm bảo sạch sẽ, không tạp chất, tơi mịn, không vón cục, không có nấm mốc</p> <p><b>2. Chỉ tiêu hóa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ đạm (Protein) tối thiểu 45%</li> <li>- Độ ẩm tối đa 11%</li> <li>- Chất xơ tối đa 4%</li> </ul> <p><b>3. Chỉ tiêu an toàn vệ sinh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ độc tố vi nấm: Không có nấm, mốc</li> </ul>	Việt Nam	Kg	2622

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>- Kim loại nặng: Hàm lượng Cadmium, Chì và Asen phải nằm trong giới hạn cho phép đối với động vật gặm nhấm.</p> <p>- Tạp chất và vi sinh vật: Không được chứa độc tố, thuốc trừ sâu, côn trùng sống, lông/phân chuột, hoặc các chất gây hại khác</p> <p><b>4. Quy định về đóng gói, nhãn mác, bao quản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đóng gói: theo yêu cầu</li> <li>- Nhãn mác: Mỗi lô hàng phải có nhãn ghi rõ: Tên sản phẩm và trọng lượng đóng gói.</li> </ul> <p><b>5. Giao hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến độ giao hàng tuần, mỗi tuần giao không quá 500 kg/tuần.</li> <li>- Hàng hoá khi giao có phiếu kết quả thử nghiệm COA kiểm định chi tiêu theo quy định của nhà sản xuất</li> </ul>			
8	CaCO <sub>3</sub>	<p><b>1. Chỉ tiêu cảm quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạng thái: Dạng bột mịn, không tạp chất, tơi mịn, không vón cục và không có côn trùng/sâu mọt/vật thể lạ.</li> <li>- Màu sắc: màu trắng</li> </ul> <p><b>2. Thành phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàm lượng CaCO<sub>3</sub>: Tối thiểu 98%</li> <li>- Hàm lượng Canxi (Ca) nguyên tố: ≈37%-40%</li> <li>- Độ ẩm dưới 1%</li> </ul> <p><b>3. Quy định về đóng gói, nhãn mác, bao quản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đóng gói: theo yêu cầu. Phải được đóng gói bằng vật liệu bền, kín, chống ẩm và chống ánh sáng trực tiếp để bảo vệ các hoạt chất sinh học không bị phân hủy</li> <li>- Nhãn mác: Mỗi lô hàng phải có nhãn ghi rõ: Tên sản phẩm và trọng lượng đóng gói.</li> </ul> <p><b>4. Giao hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến độ giao hàng tuần, mỗi tuần giao không quá 13 kg/tuần.</li> <li>- Hàng hoá khi giao có phiếu kết quả thử nghiệm COA kiểm định chi tiêu theo quy định của nhà sản xuất</li> </ul>	Việt Nam	Kg	68.4
9	Monocalcium Phosphate (MCP)	<p><b>1. Chỉ tiêu cảm quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạng thái: Dạng bột mịn hạt nhỏ đồng nhất kích thước từ 0.2-1.2 mm, không tạp chất, tơi mịn, không vón cục và không có côn trùng/sâu mọt/vật thể lạ.</li> </ul>	Việt Nam	Kg	57

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng															
		<p>Màu sắc: Màu trắng đến trắng ngà</p> <p>Độ hòa tan: Tan phân lớn trong nước</p> <p><b>2. Chỉ tiêu hoá học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phospho tổng số tối thiểu 22%</li> <li>Hàm lượng Phot pho hòa tan trong nước chiếm tối thiểu 85% trên tổng số phospho</li> <li>Hàm lượng canxi: Trong khoảng 13-18%</li> <li>Độ hoà tan: Tan nhanh và hoàn toàn trong nước</li> </ul> <p><b>3. Chỉ tiêu tạp chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Độ ẩm tối đa 4%</li> <li>Asen (<b>As</b>): <math>\leq 10</math> mg/kg (ppm).</li> <li>Chì (<b>Pb</b>): <math>\leq 15</math> mg/kg (ppm) hoặc <math>\leq 20</math> mg/kg tùy theo quy định.</li> <li>Cadimi (<b>Cd</b>): <math>\leq 2</math> mg/kg hoặc <math>\leq 3</math> mg/kg</li> </ul> <p><b>4. Quy định về đóng gói, nhãn mác, bao quản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu đóng gói: theo yêu cầu. Phải được đóng gói bằng vật liệu bền, kín, chống ẩm và chống ánh sáng trực tiếp để bảo vệ các hoạt chất sinh học không bị phân hủy</li> <li>Nhãn mác: Mỗi lô hàng phải có nhãn ghi rõ: Tên sản phẩm và trọng lượng đóng gói.</li> </ul> <p><b>5. Giao hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiến độ giao hàng tuần, mỗi tuần giao không quá 11 kg/tuần.</li> <li>Hàng hoá khi giao có phiếu kết quả thử nghiệm COA kiểm định chi tiêu theo quy định của nhà sản xuất</li> </ul>																		
10	Premix	<p><b>1. Chỉ tiêu cảm quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Trạng thái: Đảm bảo sạch sẽ, không tạp chất, tơi mịn, không vón cục, không có nấm mốc</li> <li>Độ mịn: Cỡ hạt phải đồng đều để trộn đều vào thức ăn hỗn hợp.</li> </ul> <p><b>2. Chỉ tiêu hóa học</b></p> <p>Hàm lượng vi chất được công bố</p> <table> <tr> <td>Vitamin A</td> <td>6,000</td> <td>MIU</td> </tr> <tr> <td>Vitamin D</td> <td>1,200</td> <td>MIU</td> </tr> <tr> <td>vitamin E</td> <td>14,000</td> <td>GM</td> </tr> <tr> <td>Vutamin K</td> <td>1,040</td> <td>GM</td> </tr> <tr> <td>Vitamin B1</td> <td>1,200</td> <td>GM</td> </tr> </table>	Vitamin A	6,000	MIU	Vitamin D	1,200	MIU	vitamin E	14,000	GM	Vutamin K	1,040	GM	Vitamin B1	1,200	GM	Việt Nam	Kg	28.5
Vitamin A	6,000	MIU																		
Vitamin D	1,200	MIU																		
vitamin E	14,000	GM																		
Vutamin K	1,040	GM																		
Vitamin B1	1,200	GM																		

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>Vitamin B2 2.880 GM  Vitamin B6 1.840 GM  Vitamin B12 0.012 GM  Niacin 20,000 GM  D-calpan 6,000 GM  folic acid 0.880 GM  biotin 0.050 GM  iron 16,000 GM  copper 1,200 GM  manganese 28,000 GM  Zinc 24,000 GM  cobalt 0.080 GM  iodine 0.600 GM  elenium 0.050 GM  Độ ẩm tối đa 4%</p> <p><b>4. Quy định về đóng gói, nhãn mác, bao quản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đóng gói: theo yêu cầu. Phải được đóng gói bằng vật liệu bền, kín, chống ẩm và chống ánh sáng trực tiếp để bảo vệ các hoạt chất sinh học không bị phân hủy</li> <li>- Nhãn mác: Mỗi lô hàng phải có nhãn ghi rõ: Tên sản phẩm và trọng lượng đóng gói.</li> </ul> <p><b>5. Giao hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến độ giao hàng tuần, mỗi tuần giao không quá 06 kg/tuần.</li> <li>- Hàng hoá khi giao có phiếu kết quả thử nghiệm COA kiểm định chi tiêu theo quy định của nhà sản xuất</li> </ul>			
11	Thóc mầm	<p><b>1. Chỉ tiêu cảm quan:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạng thái: Hạt chắc, đồng đều, sạch sẽ, không có tạp chất, không có côn trùng/sâu mọt/vật thể lạ.</li> <li>- Màu sắc: Vàng rom đến vàng nâu đặc trưng của thóc. Không bị biến màu do nấm mốc</li> <li>- Tạp chất: Tỷ lệ tạp chất (đát đá, rom rác) lần trong thóc thường không vượt quá 3%, không được có côn trùng sống nhìn thấy bằng mắt thường</li> <li>- Chất lượng hạt: Thóc chắc mẩy, màng trấu nguyên vẹn, không bị sâu mọt hay lép lửng.</li> </ul> <p><b>2. Chỉ tiêu lý, hóa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nảy mầm tối thiểu 90%</li> </ul>	Việt Nam	Kg	6840

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ ẩm: dưới 14%</li> <li>- Độ thuần: Thuần chủng, kích thước và màu sắc hạt đồng đều, tỷ lệ lẫn tạp chất không quá 1-2%</li> <li>- Độ sạch: Không lẫn hạt cò dại, hạt bị sâu mọt hoặc các tạp chất khác</li> </ul> <p><b>3. Chỉ tiêu an toàn vệ sinh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chứa kim loại nặng, chất độc hại</li> <li>- Không chứa Salmonella</li> <li>- Vệ sinh: Không bị ẩm mốc, không lẫn tạp chất hoặc hóa chất bảo quản</li> </ul> <p><b>4. Quy định về đóng gói, nhãn mác, bao quản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đóng gói: theo yêu cầu.</li> </ul> <p><b>5. Giao hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến độ giao hàng tuần, mỗi tuần giao không quá 50kg/tuần.</li> <li>- Hàng hoá khi giao có phiếu kết quả thử nghiệm COA kiểm định chi tiêu theo quy định của nhà sản xuất</li> </ul>			

## PHỤ LỤC 2

### YÊU CẦU CHÀO GIÁ

#### 1. Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp:

##### 1.1. Nhà cung cấp là tổ chức/hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Nhà cung cấp là tổ chức: Đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam/pháp luật nước ngoài (đối với nhà cung cấp nước ngoài); Nhà cung cấp là hộ kinh doanh: Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- b) Hạch toán tài chính độc lập (đối với nhà cung cấp là tổ chức);
- c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể/chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
- d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của Pháp luật (tại Điều 6 của Luật Đấu thầu);
- đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật (tại khoản 3 Điều 87 của Luật đấu thầu);
- e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn;
- h) Đối với nhà thầu nước ngoài, phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu.

##### 1.2. Nhà cung cấp là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;
- b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;
- c) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật (tại khoản 3 Điều 87 của Luật đấu thầu);
- d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

**2. Hàng hóa được cung cấp:** Ngoài các thông tin như tại Phụ lục 1, hàng hóa được chào phải có đầy đủ thông tin về mã (code) hàng hóa, xuất xứ (hãng, nước sản xuất), hạn sử dụng (nếu có).

**3. Giá ghi trong Bản chào giá:** là giá phải bao gồm tất cả các chi phí để hoàn thành gói cung cấp theo yêu cầu (bao gồm cả VAT, phí, lệ phí,...).

#### 4. Thời gian thực hiện:

- **Thời gian giao hàng:** ghi rõ thời gian, kể từ ngày ký hợp đồng.

**5. Thời hạn của báo giá:** ghi rõ thời gian báo giá có hiệu lực, kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ chào giá.

#### 6. Các thông tin khác:

**6.1. Bản chào giá phải có họ tên, chữ ký và đóng dấu của Đơn vị gửi báo giá**

**6.2. Có thông tin đầy đủ của Đơn vị gửi báo giá** (thông tin trong đăng ký kinh doanh)

- Tên pháp nhân của đơn vị
- Địa chỉ trụ sở chính và Văn phòng đại diện (nếu có)
- Số điện thoại
- Fax
- Số tài khoản, Ngân hàng
- Mã số thuế

**6.3. Các yêu cầu khác (nếu có).**

**PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ**

(Kèm theo công văn số /VSDTTU-KHOT ngày .. tháng .. năm 2022..)

**TÊN CÔNG TY**

Số:.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc.**

**BÁO GIÁ KẾ HOẠCH**

**Kính gửi: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương**

Công ty. <...> có địa chỉ tại <...>. Chúng tôi xin gửi tới Quý Viện bản chào giá các mặt hàng như sau:

**Bảng 1: Nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi động vật thí nghiệm**

STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời báo giá			Thông tin báo giá							
		Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính yêu cầu	Số lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hoá chào giá	Quy cách đóng gói chào giá (nếu có)	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1												
2												
...												
<b>Tổng cộng</b>												

....  
Ghi chú:

- Đơn vị chào theo mã hàng hóa được quy định tại bản phụ lục 1, chào trọn gói một phần, hoặc chào theo danh mục hàng hóa.
- Giá báo trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, giao hàng theo và toàn bộ các chi phí, lệ phí liên quan để cung cấp hàng hoá.
- Các điều khoản: Hàng hoá mới 100%, Thời gian giao hàng....., phương thức thanh toán....
- Hiệu lực của báo giá: trong vòng ... ngày kể từ ngày ký (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày)
- Chúng tôi cam kết không trong quá trình thực hiện thu tục giải thể, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Giá trị của hàng hóa là phù hợp, không vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá. Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.